

Số: 178 /KH-UBND

Kiên Giang, ngày 13 tháng 11 năm 2020

**KẾ HOẠCH**  
**Về thực hiện Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2021**  
**trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

Căn cứ Nghị quyết số 335/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc thông qua Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025; căn cứ Quyết định số 1875/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang phê duyệt Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2021, cụ thể như sau:

**I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

Triển khai thực hiện Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025 (gọi tắt là Đề án) đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa (gọi tắt là DNNVV) trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ DNNVV theo Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025.

**2. Yêu cầu**

Công tác hỗ trợ DNNVV cần bám sát các nội dung, quy định của Luật Hỗ trợ DNNVV, các văn bản hướng dẫn thi hành và Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025, đảm bảo công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền, đối tượng, nội dung, trình tự, thủ tục theo quy định.

Cân đối các nguồn lực hỗ trợ cho DNNVV đảm bảo hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên phát triển các ngành, lĩnh vực có tiềm năng và lợi thế của tỉnh.

DNNVV trên địa bàn tỉnh cần nêu cao tinh thần đổi mới sáng tạo trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; nâng cao năng lực cạnh tranh, ý thức chấp hành



pháp luật trong việc tiếp nhận, phối hợp và tổ chức thực hiện các nguồn lực hỗ trợ.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Triển khai đồng bộ, có hiệu quả các chính sách hỗ trợ DNNVV theo Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025.

Tiếp tục tạo môi trường thuận lợi cho DNNVV theo phương hướng nâng cao chất lượng, phát triển về số lượng, đạt hiệu quả kinh tế, góp phần tạo nhiều việc làm, giảm nghèo, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường. Nâng cao năng lực quản trị, năng lực tiếp cận thị trường và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đặc biệt là DNNVV trên địa bàn tỉnh. Đảm bảo các doanh nghiệp phát triển bền vững.

### **2. Mục tiêu cụ thể (kèm theo phụ lục)**

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh doanh trong khu vực kinh tế tư nhân. Phần đầu năm 2021, trên địa bàn tỉnh có trên 11.000 doanh nghiệp đang hoạt động. Có từ 100 hộ kinh doanh chuyển đổi lên doanh nghiệp.

- Phần đầu năm 2021, có 20 DNNVV khởi nghiệp sáng tạo.

- Tỷ trọng doanh nghiệp lớn chiếm khoảng 3%.

- Số lao động được giải quyết việc làm 35.000 lượt người.

- Vốn đầu tư của dân cư và doanh nghiệp ngoài quốc doanh chiếm 79,68%/ tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tập trung xây dựng trung tâm ươm tạo khởi nghiệp sáng tạo tỉnh mang tầm khu vực và quốc gia.

- Hình thành các cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị chủ yếu: chế biến nông-thủy sản, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, dịch vụ hậu cần nghề cá. Mỗi lĩnh vực có ít nhất 1 cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị khoảng 200 doanh nghiệp.

- Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân tham gia hướng đến sản phẩm, sản xuất theo chuỗi giá trị, doanh nghiệp tham gia cùng sản xuất nông nghiệp, nhất là sản phẩm công nghệ cao.

### III. ĐỐI TƯỢNG HỖ TRỢ

1. Doanh nghiệp được thành lập, tổ chức và hoạt động trên địa bàn tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đáp ứng tiêu chí xác định DNNVV theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh.

### IV. NỘI DUNG HỖ TRỢ

#### Mục 1 HỖ TRỢ CHUNG

##### 1. Hỗ trợ nghiên cứu phát triển, đổi mới công nghệ

*ĐVT: Triệu đồng.*

ST T	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2021		
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí
1	<b>Hỗ trợ nghiên cứu phát triển, đổi mới công nghệ</b>		27	910	4.700
1.1	<i>Nghiên cứu và phát triển sản phẩm; nghiên cứu phát triển công nghệ,...</i>	<i>Doanh nghiệp</i>	2	300	600
1.2	<i>Hoạt động chuyển giao ứng dụng công nghệ cao, hợp đồng chuyển giao công nghệ, thiết bị mới tiên tiến, thay thế một phần công nghệ, thiết bị cũ.</i>	<i>Doanh nghiệp</i>	5	400	2.000
1.3	<i>Chi phí thực hiện dự án cải tiến năng suất chất lượng theo chương trình quốc gia về hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.</i>	<i>Doanh nghiệp</i>	10	200	2.000
1.4	<i>Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, giải pháp hữu ích ở trong nước</i>	<i>Doanh nghiệp</i>	10	10	100

**Cơ quan chủ trì thực hiện:** giao Sở Khoa học và Công nghệ.

- Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ theo quy định.

- Xây dựng quy trình, thực hiện hỗ trợ cho DNNVV.
- DNNVV thuộc đối tượng hỗ trợ nêu tại Mục III liên hệ Sở Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn, hỗ trợ theo quy định.

## 2. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực

*ĐVT: Triệu đồng.*

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2021		
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí
1	Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực.		12	90	360
1.1	Miễn chi phí đào tạo kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp sáng tạo, kỹ năng cơ bản về quản lý và điều hành doanh nghiệp; kê khai thuế, lập kế hoạch kinh doanh, quản lý dự án đầu tư, các thủ tục pháp lý, quản trị tài chính.	Khóa đào tạo	6	30	180
1.2	Hỗ trợ 50% học phí tham gia các khóa đào tạo kỹ năng, kiến thức quản lý cấp trung, cấp cao và đào tạo chuyên đề khác theo nhu cầu của doanh nghiệp.	Khóa đào tạo	2	30	60
1.3	Hỗ trợ đào tạo kiến thức về khởi sự và quản trị doanh nghiệp, lập phương án sản xuất kinh doanh cho DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh.	Khóa	4	30	120

**Đơn vị chủ trì thực hiện:** giao Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh:

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, lập dự toán kinh phí để tổ chức thực hiện theo quy định.
- Xây dựng quy trình, thực hiện hỗ trợ cho DNNVV.
- DNNVV thuộc đối tượng hỗ trợ nêu tại Mục III liên hệ Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh để được hướng dẫn, hỗ trợ theo quy định.

### Mục 2

## HỖ TRỢ DNNVV KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

### 1. Hỗ trợ tư vấn về sở hữu trí tuệ; khai thác và phát triển tài sản trí

tuệ.

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2021		
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí
1	<b>Hỗ trợ tư vấn về sở hữu trí tuệ; khai thác và phát triển tài sản trí tuệ.</b>		80	45	900
1.1	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.	Doanh nghiệp	20	5	100
1.2	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng và thực hiện chính sách, chiến lược hoạt động sở hữu trí tuệ.	Doanh nghiệp	20	15	300
1.3	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thiết kế, đăng ký bảo hộ, khai thác và phát triển giá trị của nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế.	Doanh nghiệp	20	20	400
1.4	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ đối với chỉ dẫn địa lý.	Doanh nghiệp	20	5	100

**Cơ quan chủ trì thực hiện:** giao Sở Khoa học và Công nghệ.

- Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ theo quy định.

- Xây dựng quy trình, thực hiện hỗ trợ cho DNNVV.

- DNNVV thuộc đối tượng hỗ trợ nêu tại Mục III liên hệ Sở Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn, hỗ trợ theo quy định.

**2. Hỗ trợ thực hiện thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, mô hình kinh doanh mới.**

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2021		
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí
1	<b>Hỗ trợ thực hiện thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, mô hình kinh doanh mới.</b>		120	55	1.100



STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2021		
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí
1.1	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở.	Doanh nghiệp /hợp đồng	40	15	300
1.1.1	Đối với sản phẩm, hàng hóa đã có tiêu chuẩn quốc gia.	Doanh nghiệp/ hợp đồng	20	5	100
1.1.2	Đối với sản phẩm, hàng hóa chưa có tiêu chuẩn quốc gia.	Doanh nghiệp/ hợp đồng	20	10	200
1.2	Hỗ trợ 50% phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; Hỗ trợ 50% phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.	Doanh nghiệp	20	10	200
1.3	Giảm 50% chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường.	Doanh nghiệp	20	10	200
1.4	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tự tổ chức đo lường.	Doanh nghiệp	20	10	200
1.5	Hỗ trợ 50% phí thử nghiệm về chất lượng hàng hóa tại hệ thống thử nghiệm thuộc cơ quan quản lý nhà nước.	Doanh nghiệp	20	10	200

**Cơ quan chủ trì thực hiện:** giao Sở Khoa học và Công nghệ:

- Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ theo quy định.
- Xây dựng quy trình, thực hiện hỗ trợ cho DNNVV.
- DNNVV thuộc đối tượng hỗ trợ nêu tại Mục III liên hệ Sở Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn, hỗ trợ theo quy định.

### 3. Hỗ trợ về ứng dụng, chuyển giao công nghệ.



ĐVT: Triệu đồng.

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2021		
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí
1	Hỗ trợ về ứng dụng, chuyển giao công nghệ (hỗ trợ 50% chi phí hợp đồng ứng dụng công nghệ cao, hợp đồng chuyển giao công nghệ cao).	Hợp đồng	5	100	500

**Cơ quan chủ trì thực hiện:** giao Sở Khoa học và Công nghệ:

- Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ theo quy định từ nguồn phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Kiên Giang.

- Xây dựng quy trình, thực hiện hỗ trợ cho DNNVV.

- DNNVV thuộc đối tượng hỗ trợ nêu tại Mục III liên hệ Sở Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn, hỗ trợ theo quy định.

#### 4. Hỗ trợ về đào tạo, thông tin, xúc tiến thương mại, thương mại hóa

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2021		
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí
1	<b>Hỗ trợ về đào tạo, thông tin, xúc tiến thương mại, thương mại hóa.</b>		85	80	2.100
1.1	Hỗ trợ 50% chi phí đào tạo chuyên sâu về các nội dung sau: Xây dựng, phát triển sản phẩm; thương mại hóa sản phẩm; gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường; kết nối mạng lưới khởi nghiệp với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học.	Khóa đào tạo	5	20	100
1.2	Hỗ trợ 100% chi phí gian hàng tại Hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại trong nước.	Doanh nghiệp	50	10	500
1.3	Hỗ trợ 100% chi phí gian hàng tại Hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại quốc tế.	Doanh nghiệp	30	50	1.500

**Đơn vị chủ trì thực hiện:** Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương tổ chức, phân công thực hiện:

- Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương và các cơ quan liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ theo quy định.

- Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương xây dựng quy trình, thực hiện hỗ trợ cho DNNVV.

- DNNVV thuộc đối tượng hỗ trợ nêu tại Mục III liên hệ Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh để được hướng dẫn, hỗ trợ theo quy định.

### 5. Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung

*ĐVT: Triệu đồng.*

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2021		
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí
1	Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung.		20	110	550
1.1	Hỗ trợ 100% chi phí sử dụng trang thiết bị tại các cơ sở kỹ thuật hỗ trợ DNNVV.	Doanh nghiệp	5	20	100
1.2	Hỗ trợ 50% phí tham gia các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung dành cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.	Doanh nghiệp	5	60	300
1.3	Hỗ trợ 100% chi phí năm đầu tiên thuê văn phòng làm việc trong không gian làm việc chung tại Vườn ươm khởi nghiệp.	Doanh nghiệp	5	20	100
1.4	Hỗ trợ 50% chi phí năm thứ hai thuê văn phòng làm việc trong không gian làm việc chung tại Vườn ươm khởi nghiệp.	Doanh nghiệp	5	10	50

**Cơ quan chủ trì thực hiện:** giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Tỉnh đoàn Kiên Giang:

- Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ theo quy định.



- Xây dựng quy trình, thực hiện hỗ trợ cho DNNVV.
- DNNVV thuộc đối tượng hỗ trợ nêu tại Mục III liên hệ Sở Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn, hỗ trợ theo quy định.

**Mục 3**  
**HỖ TRỢ DNNVV THAM GIA CỤM LIÊN KẾT NGÀNH,**  
**CHUỖI GIÁ TRỊ**

**1. Hỗ trợ đào tạo**

*ĐVT: Triệu đồng.*

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2021		
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí
1	Hỗ trợ đào tạo (hỗ trợ 50% chi phí đối với các khóa đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên biệt tại hiện trường)	Khóa đào tạo	5	30	150

**Cơ quan chủ trì thực hiện:** giao Sở Công Thương chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức, phân công thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ theo quy định.
- Xây dựng quy trình, thực hiện hỗ trợ cho DNNVV.
- DNNVV thuộc đối tượng hỗ trợ nêu tại Mục III liên hệ Sở Công Thương để được hướng dẫn, hỗ trợ theo quy định.

**2. Hỗ trợ liên kết sản xuất, kinh doanh**

*ĐVT: Triệu đồng.*

ST T	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2021		
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí
1	<b>Hỗ trợ liên kết sản xuất, kinh doanh.</b>		10	150	750
1.1	<i>Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thúc đẩy liên kết trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.</i>	<i>Doanh nghiệp</i>	5	50	250

ST T	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2021		
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí
1.2	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng các dự án liên kết kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển thị trường, nâng cao giá trị của sản phẩm, hàng hóa.	Doanh nghiệp	5	100	500

**Cơ quan chủ trì thực hiện:** giao Sở Công Thương chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức, phân công thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ theo quy định.
- Xây dựng quy trình, thực hiện hỗ trợ cho DNNVV.
- DNNVV thuộc đối tượng hỗ trợ nêu tại Mục III liên hệ Sở Công Thương để được hướng dẫn, hỗ trợ theo quy định.

### 3. Hỗ trợ phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường

ĐVT: Triệu đồng.

ST T	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2021		
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí
1	Hỗ trợ phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường.		100	85	2.250
1.1	Hỗ trợ 100% chi phí gian hàng tại hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại trong nước.	Doanh nghiệp	50	10	500
1.2	Hỗ trợ 100% chi phí gian hàng tại hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại quốc tế.	Doanh nghiệp	30	50	1.500
1.3	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh.	Doanh nghiệp /hợp đồng	10	5	50
1.4	Hỗ trợ 100% chi phí hợp đồng tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu chuỗi giá trị và cụm liên kết ngành.	Doanh nghiệp /hợp đồng	10	20	200

**Đơn vị chủ trì thực hiện:** giao Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ:

- Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ theo quy định.

- Xây dựng quy trình, thực hiện hỗ trợ cho DNNVV.
- DNNVV thuộc đối tượng hỗ trợ nêu tại Mục III liên hệ Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh để được hướng dẫn, hỗ trợ theo quy định.

#### 4. Tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng

ĐVT: Triệu đồng.

	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2021		
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí
1	<b>Tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng.</b>		60	35	500
1.1	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở.	Doanh nghiệp/hợp đồng	40	15	300
1.1.1	Đối với sản phẩm, hàng hóa đã có tiêu chuẩn quốc gia.	Doanh nghiệp/hợp đồng	20	5	100
1.1.2	Đối với sản phẩm, hàng hóa chưa có tiêu chuẩn quốc gia.	Doanh nghiệp/hợp đồng	20	10	200
1.2	Hỗ trợ 50% phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; hỗ trợ 50% phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; hỗ trợ 50% chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường.	Doanh nghiệp/hợp đồng	10	10	100
1.3	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp tự tổ chức đo lường.	Doanh nghiệp/hợp đồng	10	10	100

**Cơ quan chủ trì thực hiện:** giao Sở Khoa học và Công nghệ:

- Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ theo quy định.
- Xây dựng quy trình, thực hiện hỗ trợ cho DNNVV.
- DNNVV thuộc đối tượng hỗ trợ nêu tại Mục III liên hệ Sở Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn, hỗ trợ theo quy định.

#### 5. Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định,



**giám định, chứng nhận chất lượng**

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2021		
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí
1	Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng.		30	70	700
1.1	Hỗ trợ 100% chi phí thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa.	Doanh nghiệp /lần	10	30	300
1.2	Hỗ trợ 50% phí thử nghiệm về chất lượng hàng hóa tại hệ thống thử nghiệm thuộc cơ quan quản lý nhà nước.	Doanh nghiệp /lần	10	10	100
1.3	Hỗ trợ 50% chi phí hợp đồng đặt hàng các cơ sở viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển các sản phẩm, dịch vụ	Doanh nghiệp /hợp đồng	10	30	300

**Cơ quan chủ trì thực hiện:** giao Giao Sở Khoa học và Công nghệ:

- Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ theo quy định.
- Xây dựng quy trình, thực hiện hỗ trợ cho DNNVV.
- DNNVV thuộc đối tượng hỗ trợ nêu tại Mục III liên hệ Sở Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn, hỗ trợ theo quy định.

**V. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Tổng kinh phí dự kiến để thực hiện hỗ trợ DNNVV năm 2021 là 14.560 triệu đồng. Bao gồm: nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước và nguồn vốn hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước. Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí từ ngân sách Nhà nước trong dự toán kế hoạch ngân sách năm 2021 để triển khai thực hiện Đề án theo Kế hoạch này.

**VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Ngoài các nhiệm vụ nêu trên, các nội dung khác thực hiện theo Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh tình hình thực hiện Kế hoạch này.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan tổng hợp, bố trí kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Đề án Hỗ trợ DNNVV năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang theo quy định.

4. Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp, các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này xây dựng kế hoạch của ngành, cơ quan, đơn vị mình để triển khai thực hiện. Đồng thời, thực hiện chế độ báo cáo, giám sát, đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện của ngành, đơn vị mình gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 05 tháng 12 năm 2021 để tổng hợp, lồng ghép với các mục tiêu, nhiệm vụ được giao tại Đề án báo cáo UBND tỉnh theo quy định. / *Ug*

**Nơi nhận:**

- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- LĐVP, P KT;
- Lưu: VT, nknguyen.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Chín**





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**Phụ lục**

**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC SỞ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG PHỤ TRÁCH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA KẾ HOẠCH**

*(Kèm theo Kế hoạch số 178 /KH-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Kiên Giang)*

STT	Mục tiêu cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh doanh trong khu vực kinh tế tư nhân. Phần đầu năm 2021, trên địa bàn tỉnh có trên 11.098 doanh nghiệp đang hoạt động. Có từ 100 hộ kinh doanh chuyển đổi lên doanh nghiệp.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố và các doanh nghiệp	Năm 2021
2	Phần đầu năm 2021, có 20 DNNVV khởi nghiệp sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố và các doanh nghiệp	Năm 2021
3	Tỷ trọng doanh nghiệp lớn chiếm khoảng 3%.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố và các doanh nghiệp	Năm 2021
4	Số lao động được giải quyết việc làm 35.000 lượt người.	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố và các doanh nghiệp	Năm 2021
5	Vốn đầu tư của dân cư và doanh nghiệp ngoài quốc doanh chiếm 79,68%/ tổng vốn đầu tư toàn xã hội.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố và các doanh nghiệp	Năm 2021
6	Xây dựng hoàn chỉnh hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tập trung xây dựng trung tâm ươm tạo khởi nghiệp sáng tạo tinh mang tầm khu vực và quốc gia.	Sở Khoa học và Công nghệ	Tỉnh đoàn Kiên Giang, các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố và các doanh nghiệp	Năm 2021

STT	Mục tiêu cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
7	Hình thành các cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị chủ yếu: chế biến nông-thủy sản, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, dịch vụ hậu cần nghề cá.	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố và các doanh nghiệp	Năm 2021
8	Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân tham gia hướng đến sản phẩm, sản xuất theo chuỗi giá trị, doanh nghiệp tham gia cùng sản xuất nông nghiệp, nhất là sản phẩm công nghệ cao.	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố và các doanh nghiệp	Năm 2021